

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2022

V/ v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Dung.

2. Ông Đinh Thanh Hải.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Viết G, sinh năm 1972.

HKTT: Tổ dân phố Đ, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 12, tổ 17, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Lưu Thị Kim D, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

HKTT: Tổ 8, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Viết G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lưu Thị Kim D được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào tháng 6 năm 2001. Anh chị có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau vui vẻ, hòa thuận tại tổ 8, phường H, thành phố T. Đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị D chơi bời, nợ nần, từ đó vợ chồng thường xuyên bất đồng

quan điểm, tranh cãi. Đến năm 2017 chị D tự ý đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Bản thân anh cho rằng chị D đi để lao động kiếm thêm thu nhập và trả nợ nên cũng không có ý kiến gì. Thời gian chị D đi sang Đài Loan làm việc chị D có liên hệ về cho anh nhưng từ năm 2018 đến nay thì không còn liên lạc về nữa. Đến tháng 7/2018 chị D có về nước và có làm đơn xin ly hôn, do con còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn để không làm ảnh hưởng đến việc học của các con. Sau đó chị D tiếp tục đi sang Đài Loan làm việc, từ đó đến nay chị D cắt đứt hoàn toàn liên lạc với anh. Về địa chỉ hiện nay (ở nước ngoài) của chị D, anh xác định chị D không cho anh biết và cả gia đình nhà chị D cũng đều không biết. Từ khi chị D sang Đài Loan, chị cũng không hề liên lạc gì với anh nên anh không có địa chỉ cụ thể của chị D ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Hiện nay vợ chồng không có sự liên lạc và quan tâm đến nhau. Chị D cũng không có trách nhiệm gì với gia đình, bỏ mặc chồng, con. Anh xác định tình cảm giữa vợ chồng đã không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Con lớn là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2001 (đã trưởng thành), con nhỏ là Nguyễn Thành H, sinh ngày 21/01/2008. Hiện hai con đang ở cùng anh G. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con con chung và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 10/6/2022 và ngày 05/7/2022 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với bà Nguyễn Thị Ng là mẹ đẻ của chị Lưu Thị Kim D, xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, bà có thông tin cho chị D được biết việc anh G đang yêu cầu xin ly hôn với chị thì chị D có trao đổi lại: *“chị xác định vợ chồng có mâu thuẫn, anh G có quan hệ với người khác nên năm 2019 chị D có ý định ly hôn với anh nhưng vì thương con nên chị đã không làm thủ tục. Nay được biết anh G xin ly hôn, chị xác định vợ chồng hiện không còn tình cảm, nhất trí ly hôn với anh G. Về con chung như anh G đã khai là đúng. Do cháu lớn là Nguyễn Thị Khánh L đã trưởng thành nên chị không có ý kiến về việc dưỡng nuôi cháu. Còn cháu nhỏ là Nguyễn Thành H, sinh ngày 21/01/2008 do chị đang ở nước ngoài nên không trực tiếp chăm sóc được, chị đồng ý để anh G được trực tiếp nuôi cháu. Sau này khi chị về nước chị sẽ thỏa thuận lại với anh G về việc nuôi con; Về cấp dưỡng, do anh G không yêu cầu và chị cũng không ở Việt nam để thực hiện được nghĩa vụ cấp dưỡng nên chị cũng nhất trí với ý kiến của anh G; Về tài sản chung, nợ chung: chị không đề nghị giải quyết. Hiện chị đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật”*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số

3553/QLXNC-P5 ngày 23/02/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an xác định Lưu Thị Kim D đã xuất cảnh ngày 08/8/2018 qua cửa khẩu nội bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Viết G chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của chị D ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị D ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của chị D là bà Nguyễn Thị Ng, có đủ căn cứ xác định chị D vẫn liên hệ với D nhưng bà cũng không cung cấp được địa chỉ của chị D và chị D cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng bà Ng cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của chị D ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa anh Nguyễn Viết G và chị Lưu Thị Kim D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo anh G khai: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hòa thuận. Đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị D chơi bời, nợ nần, từ đó vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tranh cãi. Đến năm 2017 chị D tự ý đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Bản thân anh cho rằng chị D đi để lao động kiếm thêm thu nhập và trả nợ nên cũng không có ý kiến gì. Thời gian đầu vợ chồng có liên lạc, quan tâm nhau nhưng từ năm 2018 đến nay thì không còn liên lạc về nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Phía bị đơn chị D, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (mẹ đẻ chị D), chị cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ trước do anh G có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, từ năm 2019 chị cũng đã có ý định ly hôn nhưng vì thương con nên chị mới không làm thủ tục. Nay được biết anh G xin ly hôn, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, đồng ý ly hôn với anh G. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa anh G và chị D đã không còn tình cảm, vợ chồng không còn tin tưởng, quan tâm và thương yêu nhau, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, anh chị đều nhất trí xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh G, cho anh G được ly hôn chị D là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh G và chị D đều khai vợ chồng có 02 con chung, là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2001 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thành H, sinh ngày 21/01/2008. Đối với cháu L đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thành H, anh G có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu và thông qua đại diện thân nhân của chị D, chị D cũng nhất

trí để anh G trực tiếp nuôi con, do hiện nay chị đang ở nước ngoài không thể chăm sóc cho con chung được, chị cũng có ý kiến khi chị về nước chị sẽ thỏa thuận lại với anh G về việc ai nuôi con để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu H. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao thấy cần tiếp tục giao con chung là Nguyễn Thành H cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế đảm bảo mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn và nguyện vọng của cháu H, được thể hiện tại bản tự khai ngày 09/5/2022, cũng như quy định của pháp luật tại Điều 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh G không yêu cầu cấp dưỡng chị D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, chị D nhất trí vì bản thân chị hiện đang lao động xuất khẩu tại nước ngoài nên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình. Tạm hoãn phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị D vì anh G không yêu cầu.

Chị D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh G xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Phía chị D không có lời khai bằng văn bản, thể hiện ý kiến, quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Anh G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh G, cho anh G được ly hôn với chị D; Giao cháu Nguyễn Thành H, sinh năm 2008 cho anh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D vì anh G không yêu cầu, con chung Nguyễn Thị Khánh L đã trưởng thành, không phải giải quyết; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Anh G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Viết G. Anh Nguyễn Viết G được ly hôn với chị Lưu Thị Kim D.

2. Về con chung: Con chung là Nguyễn Thị Khánh L, sinh năm 2001 (đã trưởng thành) nên không giải quyết. Giao con chung là Nguyễn Thành H, sinh ngày 21/01/2008 cho anh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị D do anh G không yêu cầu.

Chị D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Nguyễn Viết G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000087 ngày 05/4/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị D được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thủy